TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 7 – 2026
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Công

2. Ông Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 557/2026QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Anh Đ, sinh năm: 1987 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096187002024, cấp ngày 26/5/2022.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096084016254, cấp ngày 03/5/2023.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13/02/2026, đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt cùng ngày, chị Lâm Thị Anh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2021 nhưng đến năm 2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, nay là xã P, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị Đ cho rằng thời gian đầu vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây , cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh T mỗi người sống một nơi khoảng tháng 4/2024 đến nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

- Về con chung: Chị Đ xác định giữa chị và anh T có 01 người con chung là Lâm Nhật L, sinh ngày 24/01/2022, hiện con đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để ổn định tâm lý và cuộc sống, đồng thời chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Đ xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị Đ khai rằng giữa chị và anh T không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Phan Văn T vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Lâm Thị Anh Đ và anh Phan Văn T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Phan Văn T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Lâm Thị Anh Đ, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Anh Đ và anh Phan Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2023 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, gây gổ, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp lẫn

nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị Đ và anh T được gia đình hai bên động viên ở lại để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Đ cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh T, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Lâm Nhật L, sinh ngày 24/01/2022, hiện do anh T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu thương, môi trường sống của cháu đã ổn định, đồng thời chị Đ thống nhất giao con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, tiếp tục giao cháu L cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, hiện tại anh T không có yêu cầu chị Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy, sự tự nguyện của chị Đ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ xác định giữa chị với anh T không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Đ khai rằng giữa chị và anh T không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Anh Đ về việc ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lâm Nhật L, sinh ngày 24/01/2022 cho anh Phan Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị Lâm Thị Anh Đ không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lâm Thị Anh Đ về việc cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Nhật L mỗi tháng 2.000.000đ. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Lâm Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 19 tháng 5 năm 2026, chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 6338 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

7. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc chị Lâm Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị Anh Đ và anh Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hứa Minh Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.